

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định 3497/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 Đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006 ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 635.000.000.000 VND (Sáu trăm ba mươi lăm tỷ đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Thác Bà - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 79.722.324.605 VND, Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 01/04/2006 đến 31/12/2006 là 55.541.930.145 VND.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 là 54.531.368.427 VND, Lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn 01/04/2006 đến 31/12/2006 là 17.163.808.203 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Đại Ngọc Giang	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Quốc Chi	Ủy viên
Ông: Nguyễn Quang Thắng	Ủy viên
Ông: Khuất Minh Toàn	Ủy viên
Ông: Lê Minh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn Quốc Chi	Giám đốc
Ông: Nguyễn Quang Thắng	Phó Giám đốc
Ông: Khuất Minh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông: Nguyễn Hoài Linh	Trưởng ban
Ông: Phạm Anh Tráng	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thơm	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2007 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CAM KẾT KHÁC:

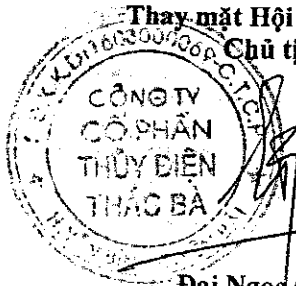
Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Công ty.

Yên Bái, ngày 20 tháng 02 năm 2008

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Dại Ngọc Giang

Yên Bái, ngày 20 tháng 02 năm 2008.

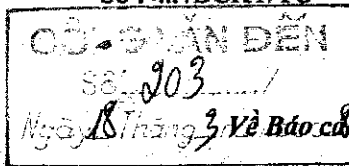
TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

A handwritten signature in black ink.

Nguyễn Quốc Chi



Số: 80/BCKT/TC



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Ngày 20 tháng 02 năm 2008 Về Báo cáo Tài chính năm 2007 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được lập ngày 20 tháng 02 năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

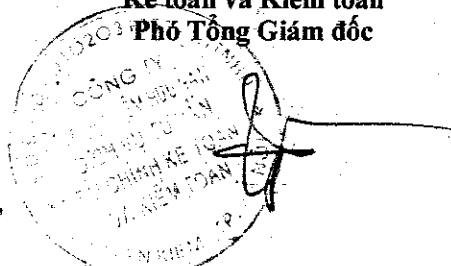
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phổ Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

				Đơn vị tính: VND	
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007	
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		152.729.840.164	115.264.199.662	
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	84.783.354.929	27.049.771.808	
111	1. Tiền		84.783.354.929	27.049.771.808	
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		54.385.261.640	56.740.677.358	
131	1. Phải thu khách hàng		52.944.427.352	-	
132	2. Trả trước cho người bán		-	14.709.084.482	
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	39.844.708.852	
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD		-	-	
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.440.834.288	2.186.884.024	
140	IV. Hàng tồn kho		13.465.559.377	27.198.743.070	
141	1. Hàng tồn kho	5	13.475.926.793	27.259.716.421	
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	5	(10.367.416)	(60.973.351)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		95.664.218	4.275.007.426	
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-	
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-	
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	4.154.131.914	
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		95.664.218	120.875.512	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		604.583.669.340	652.099.078.589	
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-	
220	II. Tài sản cố định		604.583.669.340	651.806.560.549	
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	562.919.845.037	556.385.978.878	
222	- Nguyên giá		1.166.937.284.969	1.091.007.929.287	
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(604.017.439.932)	(534.621.950.409)	
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-	
225	- Nguyên giá		-	-	
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-	
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	19.993.316.400	19.993.316.400	
228	- Nguyên giá		19.993.316.400	19.993.316.400	
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-	
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	21.670.507.903	75.427.265.271	
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-	
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-	
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	292.518.040	
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	-	292.518.040	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		757.313.509.504	767.363.278.251	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		51.147.277.734	114.997.541.265
310	I. Nợ ngắn hạn		51.024.987.693	85.237.678.799
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		1.567.161.551	31.956.653.664
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	5.631.608.161	10.564.547.997
315	5. Phải trả người lao động		3.169.956.230	1.827.841.215
316	6. Chi phí phải trả	11	4.918.651.612	-
317	7. Phải trả nội bộ		22.813.928.092	27.888.705.108
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	12.923.682.047	12.999.930.815
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		122.290.041	29.759.862.466
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	29.591.535.138
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		122.290.041	168.327.328
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		706.166.231.770	652.365.736.986
410	I. Vốn chủ sở hữu	13.	705.702.740.637	652.190.445.986
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		259.232.384	26.637.783
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		15.737.138.218	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		175.001.608	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		54.531.368.427	17.163.808.203
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		463.491.133	175.291.000
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		463.491.133	175.291.000
432	2. Nguồn kinh phí		-	-
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		757.313.509.504	767.363.278.251

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

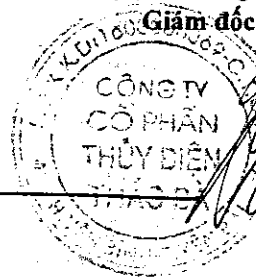
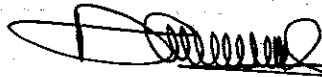
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	182.947.160
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		31.365,45	30.957,31
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Yên Bái, ngày 20 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chi

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

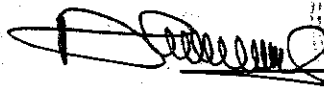
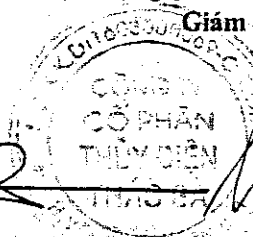
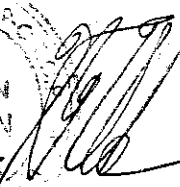
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	01/01/07 - 31/12/07	01/04/06 - 31/12/06
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	170.099.847.634	118.586.789.200
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		170.099.847.634	118.586.789.200
11	4. Giá vốn hàng bán	15	83.200.352.931	57.342.410.281
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.899.494.703	61.244.378.919
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	1.664.471.642	293.913.336
22	7. Chi phí tài chính	17	414.149.645	362.234.105
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		414.149.645	226.000.001
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.315.426.907	5.867.837.405
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.834.389.793	55.308.220.745
31	11. Thu nhập khác		2.642.886.394	589.565.281
32	12. Chi phí khác		1.754.951.582	355.855.881
40	13. Lợi nhuận khác		887.934.812	233.709.400
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.722.324.605	55.541.930.145
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>79.722.324.605</u>	<u>55.541.930.145</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		1.255	875

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Yên Bái, ngày 20 tháng 02 năm 2008

Giám đốc

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2007
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
	1. Lợi nhuận trước thuế		79.722.324.605
	2. Điều chỉnh cho các khoản		69.778.121.778
02	- Khấu hao tài sản cố định		69.395.489.523
03	- Các khoản dự phòng		(50.605.935)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		19.088.545
06	- Chi phí lãi vay		414.149.645
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		149.500.446.383
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.506.670.838
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.783.789.628
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(29.000.811.550)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		292.518.040
13	- Tiền lãi vay đã trả		-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.922.708.154)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.443.262.259)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		81.716.642.926
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.277.325.208)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.040.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.652.535.512
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.621.749.696)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8.902.699.226
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.275.945.465)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.373.246.239)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		57.721.646.991
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		27.049.771.808
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.936.130
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		84.783.354.929

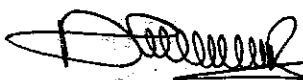
Người lập biểu

Kế toán trưởng

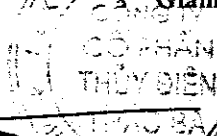
Yên Bái, ngày 20 tháng 02 năm 2008

Giám đốc





Lê Đức Tuấn



Nguyễn Quốc Chi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định 3497/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 Đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006 ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đơn vị hạch toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được ghi nhận theo hoá đơn phát hành của bộ phận bán hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Hiện tại, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là người mua điện duy nhất của Công ty. EVN cam kết mua từ 85%-90% sản lượng điện sản xuất ra của Công ty với giá mua là 530 VND/Kwh trong thời hạn 4 năm kể từ ngày 1/4/2006. Ngoài ra EVN cũng thực hiện mua điện của Công ty theo giá chào hàng cạnh tranh của thị trường điện.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành;

Thuế xuất thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty đang được ưu đãi là 15%, thời hạn áp dụng là 12 năm, thời gian miễn thuế là 03 năm kể từ năm 2006, thời gian giảm 50% số thuế phải nộp là 08 năm;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3 . TIỀN

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Tiền mặt	47.182.722	182.924.930
Tiền gửi ngân hàng	84.736.172.207	26.866.846.878
Tiền VND	84.230.749.346	26.366.925.319
Tiền ngoại tệ	505.422.861	499.921.559
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	84.783.354.929	27.049.771.808

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	399.842.280	374.989.280
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.157.844.753
Phải thu lãi cho vay vốn	-	-
Phải thu khác	1.040.992.008	654.049.991
Cộng	1.440.834.288	2.186.884.024

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.060.328.669	22.176.585.281
Nguyên liệu, vật liệu	8.170.530.631	4.931.752.204
Công cụ, dụng cụ	245.067.493	151.378.936
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	13.475.926.793	27.259.716.421
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập	10.367.416	60.973.351

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	627.497.645.373	445.905.061.450	12.930.167.137	4.675.055.327	1.091.007.929.287
Số tăng trong năm	-	75.858.061.081	-	71.294.601	75.929.355.682
- Mua trong năm	-	282.569.048	-	71.294.601	353.863.649
- Đầu tư XD CB h. thành	-	75.575.492.033	-	-	75.575.492.033
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	627.497.645.373	521.763.122.531	12.930.167.137	4.746.349.928	1.166.937.284.969
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	236.680.143.585	287.385.408.213	7.098.599.491	3.457.799.120	534.621.950.409
Số tăng trong năm	19.504.097.582	47.889.838.345	1.273.384.400	728.169.196	69.395.489.523
- Khấu hao trong năm	19.504.097.582	47.889.838.345	1.273.384.400	728.169.196	69.395.489.523
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	256.184.241.167	335.275.246.558	8.371.983.891	4.185.968.316	604.017.439.932
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	390.817.501.788	158.519.653.237	5.831.567.646	1.217.256.207	556.385.978.878
Tại ngày cuối năm	371.313.404.206	186.487.875.973	4.558.183.246	560.381.612	562.919.845.037

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND			
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	19.993.316.400	-	-	-
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.993.316.400	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	19.993.316.400	-	-	-
Tại ngày cuối năm	19.993.316.400	-	-	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Trạm bảo vệ CT 62	34.084.956	34.084.956
Đại tu nâng cấp tổ máy số 1	384.753.028	74.166.441.847
Đại tu cơ cấu rơi nhanh Máy 1	-	181.548.769
Đại tu lưới chắn rác Máy 1	-	98.753.680
Đại tu phần kiến trúc tổ máy 1	-	47.310.193
Nâng cấp và hệ thống đo lường, điều khiển	16.425.749.447	899.125.826
Đại tu nâng cấp tổ máy số 3	23.181.818	-
Đại tu HT nén khí hạ áp và cao áp	2.594.907.313	-
Đại tu đập chính	681.131.559	-
Đại tu hệ thống phân phối điện và các hạng mục khác	1.662.765.309	-
Cộng	21.806.573.430	75.427.265.271

Đơn vị hạch toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 744/ĐTC-CKT ngày 19/06/2006.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Công cụ dụng cụ lâu bền	-	292.518.040
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	-	-
Cộng	-	292.518.040

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	236.288.927	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.233.372.255	10.402.754.826
Thuế thu nhập cá nhân	64.581.317	161.793.171
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	97.365.662	-
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	5.631.608.161	10.564.547.997

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
Chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.918.651.612	-
Cộng	4.918.651.612	-

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	38.507.976	37.641.826
Kinh phí công đoàn	167.085.750	143.332.136
Bảo hiểm y tế	12.260.195	6.682.031
Phải trả về cổ phần hoá	12.343.219.875	11.427.856.113
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	915.363.762
Các khoản phải trả, phải nộp khác	362.608.251	469.054.947
Cộng	12.923.682.047	12.999.930.815

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
Thị trấn Thác Bà - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/04/2006	635.000.000.000	7.884.944.658	-	501.478.584	(3.722.751.862)	(14.676.550)
Tăng vốn trong kỳ trước	-	26.637.783	-	-	-	270.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	55.347.244.560	-
Tăng khác	-	3.388.366.375	-	-	41.384.955.504	630.559.550
Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	270.000.000	-
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	11.273.311.033	-	501.478.584	75.575.639.999	710.592.000
Số dư tại ngày 31/12/2006	635.000.000.000	26.637.783	-	-	17.163.808.203	175.291.000
Tăng vốn trong năm nay	-	232.594.601	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	79.722.324.605	-
Tăng khác	-	-	15.969.732.819	175.001.608	30.524.560	857.010.133
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	232.594.601	-	42.385.288.941	568.810.000
Số dư cuối năm nay	635.000.000.000	259.232.384	15.737.138.218	175.001.608	54.531.368.427	463.491.133

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	476.250.000.000	476.250.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	158.750.000.000	158.750.000.000
Cộng	635.000.000.000	635.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Từ 01/04/06 đến 31/12/06
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	635.000.000.000	635.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.400.000.000	38.100.000.000
Năm 2006	-	38.100.000.000
Năm 2007	25.400.000.000	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	15.737.138.218	-
- Quỹ dự phòng tài chính	175.001.608	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	01/01/07 - 31/12/07 VND	01/04/06 - 31/12/06 VND
Doanh thu bán hàng	169.948.918.315	118.555.538.200
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.929.319	31.251.000
Cộng	170.099.847.634	118.586.789.200

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	01/01/07 - 31/12/07	01/04/06 -31/12/06
	VND	VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	83.200.352.931	57.342.410.281
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	83.200.352.931	57.342.410.281

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01/01/07 - 31/12/07	01/04/06 -31/12/06
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.664.471.642	293.913.336
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	1.664.471.642	293.913.336

17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	01/01/07 - 31/12/07	01/04/06 -31/12/06
	VND	VND
Lãi tiền vay	414.149.645	226.000.001
Chi phí tài chính khác	-	136.234.104
Cộng	414.149.645	362.234.105

18. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Các sai sót

Ảnh hưởng của việc bàn giao Tài sản, nguồn vốn giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại thời điểm 0 giờ ngày 31/03/2006 đến số liệu đầu kỳ 01/01/2007 như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Bảng Cân đối kế toán			
I. Phần tài sản			
1. Trả trước cho người bán	132	252.855.474	14.709.084.482
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	4.149.260.130	4.154.131.914
3. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình	222	1.091.253.384.207	1.091.007.929.287
4. Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	223	(575.928.794.312)	(534.621.950.409)
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	75.365.776.181	75.427.265.271
II. Phần Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	17.495.506.583	31.956.653.664
2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	161.793.171	10.564.547.997
3. Phải trả người lao động	315	538.634.723	1.827.841.215
4. Phải trả nội bộ	317	5.074.777.016	27.888.705.108
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.919.943.564	12.999.930.815
6. Quỹ dự phòng Tài chính	418	501.478.584	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13.254.492.698	17.163.808.203
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
1. Giá vốn hàng bán	20	57.537.095.866	57.342.410.281
2. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	55.347.244.560	55.541.930.145
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	55.347.244.560	55.541.930.145
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	872	875

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là các số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/04/2006 đến 31/12/2006 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Do đó số liệu này không hoàn toàn có thể so sánh được. Số liệu này đã được điều chỉnh lại theo Biên bản bàn giao tài sản, nguồn vốn giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại thời điểm 31/03/2006 và đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

Người lập biểu



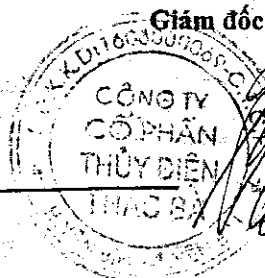
Kế toán trưởng



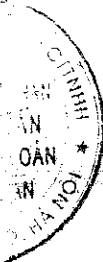
Lê Đức Tuấn

Yên Bái, ngày 20 tháng 02 năm 2008

Giám đốc



Nguyễn Quốc Chi



Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	09-15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03- 05 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng các mảnh đất rộng 84.948,6 m²; 60.287 m² và 35.640 m² tại thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản cố định vô hình được xác định lại khi Công ty đánh giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa năm 2005, đã được phê duyệt tại Quyết định số 2343/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 của Bộ Công nghiệp về việc "Xác định giá trị Công ty Thủy điện Thác Bà thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa". Do đây là giá trị quyền sử dụng đất dài hạn, nên Công ty không trích khấu hao hàng năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".